TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Bà Phạm Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh NDD, sinh năm 1986; nơi ĐKNKTT: Số A, đường B, C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 98 đường F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị DGL, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 34 đường I, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 30 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là anh NDD trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh NDD và chị DGL xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường J, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 27 tháng 11 năm 2013. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc và có hai con chung. Đến năm 2021, anh NDD và chị DGL phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã hòa giải khuyên bảo vợ chồng nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế. Nay, anh NDD xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh NDD đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị DGL.

Về việc nuôi con: Anh NDD và chị DGL có hai con chung là K, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2014 và L, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2021. Ly hôn, anh NDD đồng ý chị DGL nuôi hai con chung K và L đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh NDD đề nghị được cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị DGL với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho cả hai con chung (mỗi con 2.500.000 đồng/tháng) và giao số tiền này cho chị DGL vào ngày mùng 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc chia tài sản: Anh NDD và chị DGL tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2023 và tại phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/4/2023, bị đơn chị DGL trình bày:

Chị DGL xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, các con chung như anh NDD trình bày là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau chị DGL sinh con L vào năm 2021; nguyên nhân mâu thuẫn từ việc nuôi dạy các con và chị DGL nghi ngờ anh NDD có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến vợ con. Gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay, chị DGL nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh NDD không còn, không có khả năng đoàn tụ nhưng chị DGL không đồng ý ly hôn vì các con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về việc nuôi con: Chị DGL xác nhận vợ chồng có hai con chung là K, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2014 và L, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị và các con về ở nhà bố mẹ đẻ chị DGL. Trường hợp ly hôn, chị DGL có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung Kh và L; chị DGL đề nghị anh NDD có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tiền học, tiền sinh hoạt hàng tháng cho cả hai con với số tiền là 8.000.000 (tám triệu) đồng/tháng.

Về việc chia tài sản: Chị DGL và anh NDD tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh thu thập các tài liệu chứng cứ, tại gia đình hai bên và chính quyền địa phương, thể hiện: Trong cuộc sống chung của vợ chồng anh NDD và chị DGL có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm đến nhau, anh NDD không thường xuyên về nhà. Sau này, gia đình cả hai mới biết vợ chồng anh NDD, chị DGL sống ly thân. Gia đình hai bên đã hòa giải có mặt anh NDD, chị DGL nhưng mâu thuẫn vẫn không cải thiện được. Nay, anh NDD có đơn xin ly hôn chị DGL, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của cả hai. Chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng anh NDD, chị DGL có mâu thuẫn nhưng không rõ lý do, hiện vợ chồng sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình , không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm ý kiến như trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thể hiện ý kiến, quan điểm: Chị DGL đồng ý thuận tình ly hôn với anh NDD vì vợ chồng không thể đoàn tụ; đồng ý nuôi cả hai con chung K, L và yêu cầu anh NDD góp tiền nuôi con; về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Anh NDD được ly hôn chị DGL. Giao cả hai con chung K, sinh ngày 13/01/2014 và L, sinh ngày 31/8/2021 cho chị DGL trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh NDD phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị DGL với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/2 con, bắt đầu từ tháng 8/2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh NDD và chị DGL tự giao số tiền cấp dưỡng cho nhau; các bên không yêu cầu giải quyết về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; anh NDD phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 34, đường I, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi làm việc tại số 11A đường Trần Hưng Đạo, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh NDD và chị DGL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của anh NDD và chị DGL qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và độc lập về kinh tế. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng anh NDD và chị DGL phát sinh do hai bên có bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Các bên đều không có giải pháp gì để cải thiện cuộc sống tình cảm vợ chồng. Anh NDD kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân anh NDD và chị DGL đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh NDD theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Xét sự thống nhất nuôi con của anh NDD và chị DGL là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con chung, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận giao cả hai con chung là K, sinh ngày 13/01/2014 và L, sinh ngày 31/8/2021 cho chị DGL trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4.1] Anh NDD có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị DGL cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh NDD trong việc

thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Việc cấp dưỡng nuôi con : Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh NDD như trình bày trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại bản sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng thể hiện anh NDD có công việc và thu nhập ổn định với mức lương là 11.200.000 (mười một triệu, hai trăm nghìn) đồng/tháng nên chấp nhận việc anh NDD có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con chung cho chị DGL với số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/2 con (2.500.000 đồng/tháng/con), kể từ tháng 8/2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh NDD, chị DGL tự giao nhận khoản tiền cấp dưỡng trên.

[5] Về việc chia tài sản: Anh NDD và chị DGL đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Anh NDD phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểu đ khoản 6 Điều 27 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh NDD được ly hôn chị DGL.

2. Về việc nuôi con: Giao hai con chung là K, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2014 và L, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2021 cho chị DGL trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.1. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh NDD có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cả hai con chung cho chị DGL với số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/2 con (2.500.000 đồng/tháng/con), kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh NDD và chị DGL hàng tháng tự giao nhận khoản tiền cấp dưỡng trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về việc chia tài sản: Anh NDD và chị DGL đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Anh NDD phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009702, ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh NDD còn phải nộp tiếp số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- UBND phường J, H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến